

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

V/v L hôn, tranh chấp nuôi con
khi L hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Như, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2020 về việc L hôn, tranh chấp nuôi con khi L hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thảo L**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 336/51, đường LTK, khóm B, phường L, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Trần Trịnh Duy Q**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số 143/60, đường NTMK, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2020 và chứng cứ có trong hồ sơ của nguyên đơn bà Trương Thảo L như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thảo L và ông Trần Trịnh Duy Q tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/8/2007. Trong thời gian chung sống đến năm 2017 thì ông, bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp. Từ năm 2018 đến nay bà và ông Q không chung sống cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông Q có 02 người con chung là cháu Trần Thái Duy B, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Trần Thái Duy Q, sinh ngày 05/10/2010, hiện cháu B và cháu Q sống với ông Q

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà Trương Thảo L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu L hôn với ông Trần Trịnh Duy Q.

Về con chung: Sau khi L hôn, bà Trương Thảo L đồng ý giao 02 con chung cháu Trần Thái Duy Bảo, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Trần Thái Duy Quý, sinh ngày 05/10/2010 cho ông Q nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Trương Thảo L đã nộp bản sao trích lục kết hôn của bà Trương Thảo L và ông Trần Trịnh Duy Q số 84 ngày 22/4/2020; Một bản sao Giấy khai sinh của cháu Trần Thái Duy Q và một bản sao Giấy khai sinh của cháu Trần Thái Duy B.

- *Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Trịnh Duy Q trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Nay ông đồng ý L hôn với bà Trương Thảo L, về con chung: có 02 người con chung là cháu Trần Thái Duy B, sinh ngày 28/7/2007 và cháu Trần Thái Duy Q, sinh ngày 05/10/2010, ông đồng ý nuôi hai con Trần Thái Duy B, Trần Thái Duy Q và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: ông Trần Trịnh Duy Q không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Trương Thảo L đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trương Thảo L yêu cầu Tòa án giải quyết việc L hôn, tranh chấp nuôi con khi L hôn với ông Trần Trịnh Duy Q và ông Q cư trú tại địa chỉ Số 143/60, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Bà Trương Thảo L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Trương Thảo L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trương Thảo L và ông Trần Trịnh Duy Q xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do bà Trương Thảo L cung cấp, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì bà L và ông Q phát sinh mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống, không thông cảm cho nhau nên dẫn đến cãi vã, ông Q thường xuyên vắng nhà không chăm sóc cho vợ con; bà L không còn tình cảm với ông Q và mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được L hôn với ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung:

[2.3.1] Xét bà L đồng ý giao hai con cho ông Q nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Thái Duy B, (nam, sinh ngày 28/7/2007) và cháu Trần Thái Duy Q, (nam, sinh ngày 05/10/2010) đang sống chung với ông Q tại Số 143/60, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, hai cháu có nguyện vọng được sống với ông Q nên cuộc sống đã dần

ổn định và ông Q cũng đồng ý nuôi hai con là cháu Q và cháu B, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cháu Trần Thái Duy B, (nam, sinh ngày 28/7/2007) và cháu Trần Thái Duy Q, (nam, sinh ngày 05/10/2010) cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3.2] Về cấp dưỡng nuôi con, ông Q tự nguyện không yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.3] Bà Trương Thảo L có Q, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Thái Duy B và cháu Trần Thái Duy Q theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung, bà L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thảo L và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về án phí: Bà Trương Thảo L phải chịu 300.000 đồng theo khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thảo L:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trương Thảo L được L hôn với ông Trần Trịnh Duy Q.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Trần Thái Duy B, (nam, sinh ngày 28/7/2007) và cháu Trần Thái Duy Q, (nam, sinh ngày 05/10/2010) cho ông Trần Trịnh Duy Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trương Thảo L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trương Thảo L có Q, nghĩa vụ thăm nom các cháu Trần Thái Duy B và Trần Thái Duy Q theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung và nợ chung là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thảo L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004358 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Trương Thảo L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Các đương sự có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Bích Khiêm

